TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 30 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng
Ông Phan Thanh Tòng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Nhân, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Mạch D, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Mạch D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/202, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tìm hiểu quen biết nhau, ông và bà Huỳnh Thị Mạch

D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thạnh Tân vào ngày 11/10/2008. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng về sau mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh do bà D có tín ngưỡng và ăn chay trường, bà cũng yêu cầu ông ăn chay nhưng ông phải làm việc để lo cho gia đình nên không ăn chay được. Từ đó, vợ chồng ông bà không có tiếng nói chung, bà D có Nều yêu cầu vô lý đối với gia đình, bà D còn bắt con gái phải ăn chay, hiện nay cháu cũng ăn chay theo bà D. Ngoài ra, bà D thường xuyên bỏ nhà đi theo đạo, không chăm lo cho gia đình nên gia đình không còn hạnh phúc. Đến năm 2015, ông và bà D ly thân, ông về sinh sống tại ấp Đình Củ, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Mâu thuẫn giữa ông và bà D không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/8/2010. Trước đây ông có yêu cầu nuôi con, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông đồng ý để bà D nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu N, ông cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Có diện tích đất là 24.708m^2, trước đây ông yêu cầu chia đôi diện tích đất này nhưng hiện nay ông rút lại yêu cầu và ông yêu cầu để ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Mạch D trình bày:

Bà thống nhất với ông N về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn. Trước đây bà và ông N chung sống với nhau ở Trà Vinh, nhưng khoảng 12 năm nay thì bà về nhà mẹ ruột sinh sống ở xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, nhưng vợ chồng bà vẫn còn qua lại với nhau khoảng 03 năm nay thì bà và ông N sống ly thân, theo bà thì mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn để ông N phải xin ly hôn; việc bà ăn chay không ăn mặn được là việc của cá nhân bà, còn ông N muốn ăn như thế nào là việc của ông N bà không can thiệp. Do bà muốn con của bà có đủ tình thương của cha mẹ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/8/2010, hiện nay cháu N đang chung sống với bà. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản: Có đất nhưng là tài sản của mẹ bà cho riêng bà và con của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng nên bà không đồng ý chia cho ông N.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 06/6/2022, Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc quyết định:

Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N.

Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mạch D.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Mạch D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/8/2010. Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị Mạch D không có yêu cầu Tòa án giải quyết; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2022, bị đơn bà Huỳnh Thị Mạch D kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu tiếp tục sở hữu

phần đất 24.708m^2 tọa lạc tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; ông Châu được sở hữu diện tích đất 9.040m^2 tọa lạc tại ấp Sẻo Lầy, xã Bến Gỗ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; bà và ông N mỗi người có trách Nệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay vốn là 10.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Huỳnh Thị Mạch D vẫn giữ nguyên kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông N. Trường hợp Tòa phúc thẩm xử ly hôn thì bà rút phần kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con chung, bà đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mà Tòa sơ thẩm đã tuyên là 1.500.000 đồng/tháng; giữ nguyên kháng cáo về phần tài sản chung và nợ chung. Ông N không đồng ý với kháng cáo của bà D, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị mạch D; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị Mạch D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thạnh Tân ngày 11/10/2008, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà D có tôn giáo riêng, ăn chay, bà cũng hướng cho con chung là cháu Thảo N và ông N ăn chay. Tuy Nên, ông N không đồng ý vì cho rằng ông còn phải lao động nên không ăn chay được; do không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Theo trình bày của bà D thì bà về nhà mẹ ruột sống khoảng 12 năm nay, tuy Nên vợ chồng vẫn còn qua lại với nhau khoảng 03 năm thì mâu thuẫn xảy ra, ông bà cũng bắt đầu sống ly thân. Bà D kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông N vì bà mong muốn gia đình hạnh phúc, cháu N có đủ tình cảm của cha và mẹ.

Theo đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của ông N tại Ủy ban nhân dân xã Đình Củ và Ủy ban nhân dân xã Long Khánh ngày 16/5/2022 cũng ghi nhận về

việc ông N và bà D đã ly thân kể từ năm 2015. Trong quá trình xảy ra mâu thuẫn khoảng 06 năm nay thì giữa ông Nân và bà Diễp vẫn không có biện pháp để hàn gắn lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N vẫn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng ông cũng tôn trọng tín ngưỡng của bà D; nhưng ông không chấp nhận cách sinh hoạt tôn giáo của bà D là thường xuyên bỏ nhà để theo đạo không còn dành thời gian quan tâm, lo lắng cho gia đình nên vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Bà D thì không đồng ý ly hôn và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà D không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, hai bên đã ly thân từ năm 2015 đến nay là khoảng thời gian khá dài, chứng tỏ giữa ông N và bà D không thể hòa giải đoàn tụ trở lại, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N là có căn cứ.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị Mạch D có 01 con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/8/2010, cháu hiện đang sống với bà D. Tại biên bản lấy ý kiến của con từ đủ 7 tuổi thì cháu Thảo N trình bày cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, đây là ý chí tự nguyện của cháu. Ông N cũng đồng ý để bà D nuôi con và cấp dưỡng theo quy định. Bà D yêu cầu mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy cháu N hiện đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ; đây là ý chí tự nguyện của cháu, bà D cũng đồng ý nuôi cháu nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà D để bà D tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp. Bà D yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng; ông N trình bày do hoàn cảnh ông khó khăn, thu nhập không ổn định nên chỉ có thể cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Thấy rằng việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, do đó anh N có trách Nệm và nghĩa vụ cấp dưỡng một khoản chi phí phù hợp cho bé N học tập, sinh hoạt nên cấp sơ thẩm buộc ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D rút kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con, bà đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo bản án sơ thẩm đã tuyên là 1.500.000 đồng/tháng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Về tài sản chung: Trước đây ông N có yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì ông N rút yêu cầu về chia tài sản chung; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu này và quyết định đình chỉ giải quyết về yêu cầu phân chia tài sản chung là có căn cứ. Đối với bà D, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng ra thông báo cho bà nộp tạm ứng án phí đối với phần tài sản mà bà yêu cầu nhận nhưng bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ cũng như không nộp tạm ứng án phí theo quy định, nên có căn cứ xem như bà D từ bỏ yêu cầu khởi kiện của mình.

[4] Về nợ chung: Ông N trình bày không có nợ chung. Bà D có nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và trình bày có nợ chung đối với Ngân hàng Chính sách xã hội. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã ra thông báo để bà D cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bà có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D có đơn yêu cầu về tài sản chung và yêu cầu ông D có trách Nệm cùng với bà trả số nợ chung là 20.000.000 đồng và tiền lãi. Thấy rằng những nội dung mà bà D nêu ra có nội dung giống như đơn yêu cầu của bà tại cấp sơ thẩm. Như đã phân tích thì tại cấp sơ thẩm bà D không thực hiện theo hướng dẫn và thông báo của Tòa án để được thụ lý giải quyết yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án bà D và ông N trình bày về tài sản chung sẽ do hai bên là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết về tài sản chung và nợ chung là đúng. Vì vậy, bà D kháng cáo về phần tài sản chung và nợ chung là không có căn cứ chấp nhận. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mạch D; giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Mạch D phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Mạch D.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 48/2022/HNGĐ-ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N

Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mạch D

2. Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Mạch D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/8/2010, ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản; về nợ chung: Ông N và bà D không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn

nhân sơ thẩm và phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002392 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn N còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

4.2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Mạch D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007646 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Bà D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I TANDTC**;**
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt